

Số: 639 /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày 27 tháng 3 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt chỉ tiêu, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ  
bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh năm 2020.**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn thực hiện Quyết định số 886/QĐ-TTg ngày 16/6/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2020, tỉnh Bình Phước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT tại Tờ trình số 39/TTr-SNN-KH ngày 16/3/2020,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt chỉ tiêu, kế hoạch thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh năm 2020, với các nội dung chính như sau:

1. Giao khoán bảo vệ rừng: 35.561,65 ha, bao gồm:
  - Rừng đặc dụng: 19.621,12 ha.
  - Rừng phòng hộ: 8.539,7 ha.
  - Rừng sản xuất: 7.400,8 ha.
2. Hỗ trợ cộng đồng vùng đệm VQG Bù Gia Mập: 12 cộng đồng.
3. Trồng rừng: 55,85 ha, gồm:
  - Trồng rừng phòng hộ: 5,35 ha.
  - Trồng rừng sản xuất: 50,5 ha.
4. Trồng rừng thay thế trên diện tích bán ngập: 524 ha.

5. Chăm sóc rừng trồng: 685 ha, gồm:

- Rừng đặc dụng: 145 ha.
- Rừng sản xuất: 540 ha.

6. Tuyên truyền bảo vệ rừng, phòng chống cháy rừng: 30 đợt.

7. Phát ranh phòng, chống cháy rừng: 57 ha.

(Chi tiết kèm theo Biểu 01).

## **Điều 2. Kinh phí thực hiện**

1. Đối với các hạng mục thuộc Ban Quản lý VQG Bù Gia Mập thực hiện (tại biểu số 01: giao khoán BVR, hỗ trợ BVR theo Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg, hỗ trợ 12 cộng đồng vùng đệm, chăm sóc rừng trồng): sử dụng kinh phí đã giao cho Ban Quản lý VQG Bù Gia Mập tại Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

2. Đối với hạng mục chỉ tiêu giao khoán bảo vệ rừng (trừ Ban quản lý VQG Bù Gia Mập): thuộc nguồn vốn sự nghiệp, sử dụng kinh phí (ngoài khoán) đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT tại Quyết định số 2810/QĐ-UBND ngày 26/12/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh.

3. Đối với các hạng mục: Trồng rừng, chăm sóc rừng trồng, tuyên truyền bảo vệ phòng, chống cháy rừng, phát ranh phòng chống cháy rừng... của các đơn vị chủ rừng (trừ Ban Quản lý VQG Bù Gia Mập): thuộc nguồn vốn đầu tư, do các đơn vị chủ rừng tự cân đối trong nguồn kinh phí đã được giao và các nguồn vốn hợp pháp khác để tổ chức thực hiện.

4. Đối với hạng mục trồng rừng thay thế: Sử dụng nguồn vốn trồng rừng thay thế để thực hiện.

## **Điều 3. Tổ chức thực hiện**

1. Giao các đơn vị chủ rừng (dự án cơ sở) tổ chức thực hiện có hiệu quả các hạng mục bảo vệ và phát triển rừng năm 2020 theo chỉ tiêu, kế hoạch được giao; lập dự toán chi tiết trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt để thực hiện theo đúng quy định hiện hành.

2. Giao Sở Nông nghiệp và PTNT theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn các chủ rừng thực hiện các chỉ tiêu nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng năm 2020 đạt hiệu quả.

**Điều 4.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, ngành: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc các đơn vị chủ rừng (chủ dự án) và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

### **Nơi nhận:**

- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Như điều 4;
- LĐVP, phòng KT;
- Lưu: VT (Th qđ 30-020).

  
CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH  
*Nguyễn Anh Minh*



**BIỂU 1: CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ BẢO VỆ VÀ PHÁT TRIỂN RỪNG NĂM 2020**  
(kèm theo Quyết định số: 639 /QĐ-UBND ngày 28 / 3 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Đơn vị	Khoán bảo vệ rừng (ha)	Hỗ trợ cộng đồng vùng đệm	Trồng rừng (ha)	Trồng rừng thay thế (ha)	Chăm sóc rừng trồng (ha)	Tuyên truyền BVR, PCCR (đợt)	Phát ranh PCCR (ha)
	<b>Tổng cộng</b>	<b>35.561,65</b>	<b>12</b>	<b>55,85</b>	<b>524,0</b>	<b>685</b>	<b>30</b>	<b>57</b>
<b>I</b>	<b>Rừng đặc dụng</b>	<b>19.621,12</b>	<b>12</b>			<b>145</b>	<b>12</b>	<b>9,0</b>
1	Hạt KL LH TX Bù Gia Mập - Phước Long	708,89					12	9,0
2	VQG Bù Gia Mập	18.912,23	12			145		
<b>II</b>	<b>Rừng phòng hộ</b>	<b>8.539,7</b>		<b>5,35</b>	<b>524,0</b>		<b>16</b>	<b>30,0</b>
1	Ban QLRPH Bù Đăng	1.551,10		5,35	524,0		2	5,0
2	Ban QLRPH Bù Đốp	4.900,00					2	15,0
3	Ban QLRPH Đăk Mai	2.088,64					12	10,0
<b>III</b>	<b>Rừng sản xuất</b>	<b>7.400,8</b>		<b>50,5</b>		<b>540</b>	<b>2</b>	<b>17,9</b>
1	Ban QLRPH Bù Đốp	1.421,25						
2	Ban QLRPH Đăk Mai	251,84						
3	Ban QLRPH Lộc Ninh	0,00		50,50		540		0,4
4	Hạt Kiểm lâm Đồng Phú	5.727,70					2	17,5